

Bản án số: 71 /2025/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 6 - 2025
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hòa;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Khết và bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị trà My, Thư ký Toà án nhân dân huyện M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Chí Công - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2025/TLST- HNGĐ, ngày 29 tháng 4 năm 2025 về Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lường Thị T; Nơi cư trú: bản P, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La; có mặt.

- Bị đơn: anh Lò Văn T; Nơi cư trú: bản K, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/4/2025 và bản tự khai, nguyên đơn là chị Lường Thị T trình bày: chị T và anh T, tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 16/3/2021 tại Ủy ban nhân dân xã N; quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, anh chị đã có một người con chung là cháu Lò Duy T, sinh ngày 17/7/2020, hiện tại chị không có thai; đầu năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không quan tâm đến cuộc sống gia đình, không tìm được tiếng nói chung nên đã sống ly thân từ đó, nay tình cảm không còn chị T xin được ly hôn, phân chia trách nhiệm nuôi con chung là cháu Lò Duy T; về tài sản chung chị T không yêu cầu giải quyết; chị T xác định không vay nợ ai.

Toà án nhân dân huyện M đã giao thông báo thụ lý, liên hệ qua điện thoại của anh T nhiều lần, triệu tập họp lệ thông qua người thân và chính quyền địa phương nhưng không có kết quả nên tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố

tụng để anh T thực hiện quyền và nghĩa vụ nhưng anh T không hợp tác cố tình vắng mặt.

Ngày 28/4/2025, Toà án lập biên bản xác minh với ông Lò Văn S (bố đẻ của anh T) và đại diện Ủy ban nhân dân xã N xác định: chị T có đăng ký kết hôn với anh T thường trú tại bản K, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La; anh T và chị T có mâu thuẫn trong cuộc sống chung vợ chồng, chính quyền địa phương đã hoà giải nhưng không thành, tình cảm vợ chồng anh chị không hoà hợp và sống ly thân; cả anh T và chị T đều là lao động tự do.

Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 22/5/2025 chị Lường Thị T giữ nguyên yêu cầu, phạm vi khởi kiện, không có yêu cầu phản tố, không ai cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu gì khác. Tuy nhiên, anh T không có mặt nên chị T có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải nên Toà án đã lập biên bản không hoà giải được.

Ý kiến tranh luận tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Lường Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Lò Văn T và phân chia trách nhiệm nuôi con chung, theo nguyện vọng chị T xin trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; không đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung; chị T xin tự chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn anh Lò Văn T đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến tranh luận đối đáp.

Đại diện Viện kiểm sát ý kiến: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên chấp nhận cho chị Lường Thị T ly hôn với anh Lò Văn T; giao cháu Lò Duy T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh T không phải cấp dưỡng nuôi cháu T; buộc chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” do nguyên đơn chị Lường Thị T khởi kiện đối với bị đơn anh Lò Văn T có nơi cư trú bản K, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La.

[2] Về thủ tục tố tụng: anh Lò Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lường Thị T và anh Lò Văn T, tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 16/3/2021 tại Ủy ban nhân dân xã N là sự thật và quan hệ hôn nhân được xác lập hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T thấy: cuộc sống chung giữa chị T và anh T có mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh chị không quan tâm, không có trách nhiệm với gia đình, quyền bình đẳng trong gia đình bị hạn chế, tình nghĩa vợ chồng không bảo đảm, anh chị đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay nên xác định lời khai trình bày về nguyên nhân, lý do mâu thuẫn và yêu cầu ly hôn của chị T là sự thật, có căn cứ phù hợp với nội dung sự việc ghi trong biên bản xác minh được chính quyền địa phương xác nhận về nguyên nhân mâu thuẫn, tranh chấp. Xét tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh T thực sự không còn, đời sống chung vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời cũng giải phóng cho anh chị để ổn định cuộc sống về sau cần chấp nhận yêu cầu giải quyết cho chị Lường Thị T được ly hôn anh Lò Văn T; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: chị Lường Thị T xác định anh chị có một người con chung là cháu Lò Duy T, sinh ngày 17/7/2020, hiện tại chị không có thai, chị T có nguyện vọng được nuôi con chung, không đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy cháu Lò Duy T là người chưa thành niên (dưới 18 tuổi) trong khi quan hệ chung sống giữa chị T và anh T không thể tồn tại nên cần xem xét phân chia trách nhiệm nuôi dưỡng cháu T. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Lò Duy T, thấy anh T và chị T đều là lao động tự do thu nhập không ổn định, từ khi sống ly thân đến nay cháu T sống cùng chị T và trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; cháu T đang sống ổn định có điều kiện phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị T và giao cháu Lò Duy T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động; việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị T là tự nguyện nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; không ai được ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau ly hôn, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: chị T xác định không có nên không yêu cầu giải quyết theo vụ án.

[6] Về vay nợ chung: chị T xác định không vay nợ của ai.

[7] Về án phí: chị Lường Thị T không có đơn, không giao nộp tài liệu xin miễn, giảm án phí nên căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Lường Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho Ly hôn giữa chị Lường Thị T và anh Lò Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Duy T, sinh ngày 17/7/2020 cho chị Lường Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; không ai được ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau ly hôn.

4. Về án phí: chị Lường Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002274 ngày 29/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sơn La.

5. Đương sự chị Lường Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 25/6/2025; anh Lò Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án, niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND nơi đăng ký kết hôn, cư trú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hòa

